TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 79/2024/QĐST-HNGĐ	*L, ngày 24 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị D**, sinh năm 1990; HKTT: thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh H.

Bị đơn: Anh **Lê Đức Tr**, sinh năm 1989; HKTT: thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị D**, sinh năm 1990; HKTT: thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh H.

Bị đơn: Anh **Lê Đức Tr**, sinh năm 1989; HKTT: thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị D và anh Lê Đức Tr.

2.2. Về con chung: Chị Bùi Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả ba con chung là Lê Quốc V, sinh ngày 21/6/2009; Lê Hoàng Ngân, sinh ngày 22/01/2011 và Lê Khuất Cao B, sinh ngày 10/01/2022. Anh Lê Đức Tr tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cung cùng chị Bùi Thị D với mức là 1.000.000 (*Một triệu*) đồng đối với mỗi con trên 01 tháng, cả ba con là 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng trên 01 tháng. Phương thức cấp dưỡng vào ngày 15

hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 05/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Lê Đức Tr có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị D và anh Lê Đức Tr tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về công nợ chung: Không có.

2.5. Về án phí: Chị Bùi Thị D tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số: 0001233 ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, chị Bùi Thị D đã nộp đủ tiền án phí.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã H;
- Cổng thông tin TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kim Lượng